XEM VẬN MỆNH THEO BÁT TỰ - TỬ BÌNH

Thân chào Quý Cụ Ông La So 1, Chúng tôi xin gởi đến Quý Cụ Ông La So 1 lá số Tứ Trụ này và luận giải cùng Quý Cụ Ông những vấn đề mà Quý Cụ Ông đang quan tâm, Quý Cụ Ông hãy kiểm tra lại thông tin cá nhân 1 lần nữa, để chắc không bị nhầm lẫn, vì nhầm lẫn thông tin thì kết quả sẽ sai.
Xin lưu ý về phần lời giải: trong một số ít đoạn bình giải chúng tôi lập chung cho cả nam và nữ, do đó nếu người xem là phái nữ mà có lời giải là '*lấy được vợ đẹp*' thì phải hiểu ngược lại là '*chồng đẹp*' và đối với người nam cũng vậy. Do đó Quý Cụ Ông đừng nghĩ là lời giải bị sai mà không an tâm.

THÔNG TIN CÁ NHÂN	
Họ Tên	La So 1
Ngày Sinh Đương	Thứ Tư, Ngày 27 Tháng 4 Năm 1910
Ngày Sinh Âm	Ngày Nhâm Tuất, Tháng Canh Thìn, Năm Canh Tuất (18/3/1910)
Tử Vi	Năm Canh Tuất, Tháng Canh Thìn, Ngày Nhâm Tuất, Giờ Giáp Thìn
Bát tự	Năm Canh Tuất, Tháng Canh Thìn, Ngày Nhâm Tuất, Giờ Giáp Thìn
Giờ Sinh	Thìn (7:00)
Giới Tính	Nam
Tuổi	Canh Tuất (115 tuổi)

Phái nam: La So 1 Năm Canh Tuất, Tháng Canh Thìn, Ngày **Nhâm Tuất**, Giờ Giáp Thìn

Trụ Năm	Trụ Tháng	Trụ Ngày	Trụ Giờ
Kiêu	**Kiêu**	**Nhật / Sát**	**Thực**
Canh Tuất	Canh Thìn	Nhâm Tuất	Giáp Thìn
Mậu Đinh Tân	Mậu Quý Ất	Mậu Đinh Tân	Mậu Quý Ất
Sát Tài Ấn	Sát Kiếp Thương	Sát Tài Ấn	Sát Kiếp Thương
Quan đới	Mộ	Quan đới	Mộ
Hoa-cái	Quốc-ấn	Ddức QN	Quốc-ấn
-	-	Hoa-cái	Tú QN
-	-	Âm dương-lệch	-
Đại vận	Đại vận	Đại vận	Đại vận
Ấn	**Tỉ**	**Kiếp**	**Thực**
Tân Tỵ	Nhâm Ngọ	Quý Mùi	Giáp Thân
Bính Canh Mậu	Đinh Kỷ	Kỷ Ất Đinh	Canh Nhâm Mậu
Tài Kiêu Sát	Tài Quan	Quan Thương Tài	Kiêu Tỉ Sát
Đại vận	Đại vận	Đại vận	Đại vận
Thương	**Tài**	**Tài**	**Sát**
Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi	Mậu Tí
Tân	Mậu Đinh Tân	Nhâm Giáp	Quý
Ấn	Sát Tài Ấn	Tỉ Thực	Kiếp

Dụng thần: Giáp, Canh
Cung mệnh: cung dậu
Vòng Trường Sinh:

Tí	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Tử	Mộ	Tuyệt	Thai	Dưỡng	Trường sinh	Mộc dục	Quan đới	Lâm quan	Đế vượng	Suy	Bệnh

All rights reserved by www.XemTuong.net
Trụ năm bị năm Bính Thìn thiên khắc địa xung.
Trụ tháng bị năm Bính Tuất thiên khắc địa xung.
Trụ ngày bị năm Mậu Thìn thiên khắc địa xung.
Trụ giờ bị năm Canh Tuất thiên khắc địa xung.
Thai nguyên: Tân Mùi.
Thai tức: Đinh Mão.

1- Canh Tuất	2- Tân Hợi	3- Nhâm Tí	4- Quý Sửu	5- Giáp Dần	6- Ất Mão
7- Bính Thìn	8- Đinh Tỵ	9- Mậu Ngọ	10- Kỷ Mùi	11- Canh Thân	12- Tân Dậu
13- Nhâm Tuất	14- Quý Hợi	15- Giáp Tí	16- Ất Sửu	17- Bính Dần	18- Đinh Mão
19- Mậu Thìn	20- Kỷ Tỵ	21- Canh Ngọ	22- Tân Mùi	23- Nhâm Thân	24- Quý Dậu
25- Giáp Tuất	26- Ất Hợi	27- Bính Tí	28- Đinh Sửu	29- Mậu Dần	30- Kỷ Mão
31- Canh Thìn	32- Tân Tỵ	33- Nhâm Ngọ	34- Quý Mùi	35- Giáp Thân	36- Ất Dậu
37- Bính Tuất	38- Đinh Hợi	39- Mậu Tí	40- Kỷ Sửu	41- Canh Dần	42- Tân Mão
43- Nhâm Thìn	44- Quý Tỵ	45- Giáp Ngọ	46- Ất Mùi	47- Bính Thân	48- Đinh Dậu
49- Mậu Tuất	50- Kỷ Hợi	51- Canh Tí	52- Tân Sửu	53- Nhâm Dần	54- Quý Mão
55- Giáp Thìn	56- Ất Tỵ	57- Bính Ngọ	58- Đinh Mùi	59- Mậu Thân	60- Kỷ Dậu
61- Canh Tuất	62- Tân Hợi	63- Nhâm Tí	64- Quý Sửu	65- Giáp Dần	66- Ất Mão
67- Bính Thìn	68- Đinh Tỵ	69- Mậu Ngọ	70- Kỷ Mùi	71- Canh Thân	72- Tân Dậu
73- Nhâm Tuất	74- Quý Hợi	75- Giáp Tí	76- Ất Sửu	77- Bính Dần	78- Đinh Mão
79- Mậu Thìn	80- Kỷ Tỵ	81- Canh Ngọ	82- Tân Mùi	83- Nhâm Thân	84- Quý Dậu

Tháng chi khắc ngay can (quan): Ngày chủ tử (cực suy).

Trụ năm và trụ giờ gặp Thiên khắc địa xung. Trụ giờ xung khắc trụ năm là khắc cả cha lẫn mẹ. Trụ giờ khắc trụ năm là lúc cha mẹ mất không gặp được mình.

Trụ năm có thiên ấn (kiêu) nếu là kỵ thần thì phá bại tổ nghiệp, mất gia giáo, tổn gia đình, tọa dưỡng vận: được mẹ kế nuôi dưỡng. Nếu can thiên ấn mà chi tỷ kiên thì làm con nuôi. Trường hợp thiên ấn gặp trường sinh thì mẹ đẻ vô duyên, được mẹ kế hoặc mẹ nuôi nuôi dưỡng.

Trụ tháng có Thiên ấn (Kiêu): Nếu bốn can có sao tài, ngày chủ vượng là mệnh hạnh phúc. Trường hợp gặp quan sát thì đa thành, đa bại. Nếu có Thiên đức hoặc Nguyệt đức cùng trụ thì tính ôn hòa, mệnh đẹp. Trường hợp bốn cang có thực thần thì bị bề trên câu thúc không phát triển, phát huy hết khả năng được.

Trụ ngày có Thiên quan (sát) thì bạn đời tính cứng rắn, thích bạo động, nếu không cóthực thần chế thì vợ chồng bất hòa, lại gặp xung thì lắm tai nhiều bệnh. Nếu có thực thần chế hoặc hợp thành tượng khác thì có thể giải. Nếu 4 can đều có thiên quan (sát) mà không có chế phục thì nhiều tai họa.

Trụ giờ có thực thần (thực) thì con cái hòa thuận, không lo kế sinh nhai. Có tài ăn nói, thích hưởng thụ. Nếu tọa kiến lộc, vượng địa thì con cái tất phát đạt. Nếu tọa thiên ấn (kiêu) thìcon gái khó lấy chồng, con trai lắm bệnh tật.

Năm chi và tháng chi xung: Không lợi cho mẹ cho nên mẹ có thể bị mất hoặc có thể xa cách. Nếu có quan sát hỗn tạp vào là khắc cả cha lẫn mẹ. Sống ở xa quê nhà.

Năm chi và giờ chi xung: Với con không hợp.

Năm và ngày tháng giờ chi xung: Tính hung bạo hoặc có tật.

Ngày chi xung giờ chi: Khắc vợ tổn con.

Ngày chi xung tháng chi: Phạm cha, mẹ anh em.

Trụ có 2 thìn nên coi chừng hạn năm thìn vào tháng thìn ngày tuất hay hướng tuất dễ bị nguy hiểm vì trụ có đủ cách tam hình.

Quốc ấn quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130) "Quốc ấn quý nhân trong dự đoán nói chung ít dùng, nhưng người trong tứ trụ có quốc ấn quý nhân và sinh vượng thì hầu hết làm chức to trong nhà nước hoặc nắm quyền quản lý ở cơ quan. Sao này cũng có thể tham khảo để các cơ quan dùng tuyển người giữ chức cao. Người tứ trụ có quốc ấn, chỉ về thành thực đáng tin, nghiêm túc thanh liêm, quy củ, hành sự theo lẽ công, vui vẻ với mọi người, lễ nghĩa nhân từ, khí chất hiên ngang. Nếu ấn gặp sinh vượng và có cát tinh tương trợ, không gặp xung, phá, khắc, hại thì không những có thể đứng đầu cơ quan mà còn có khả năng tốt. "

Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132): Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Dức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132): Có tú quý nhân là hòa hợp với tú khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá. a: Hoa cái với sao ấn cùng chi (ấn là hỷ dụng thần) thì tài hoa. b: Gặp không vong hoặc hình xung phá hoại: phá hoại danh lợi hoặc làm tăng ni, làm vợ lẽ hoặc bôn tẩu giang hồ. c: Hoa cái ở trụ ngày tạo vận mộ: khắc vợ, ở trụ giờ khắc con. d: Hoa cái gặp chính ấn ở vận vượng: quan tước cao, quyền vị lớn.

Âm dương lệch (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 163): Nữ gặp phải là chị em dâu không toàn vẹn, hoặc bị nhà chồng từ chối. Nam gặp phải là bị nhà vợ từ chối, hoặc cãi cọ mâu thuẫn với nhà vợ. Gặp phải sát này, bất kể nam hay nữ, tháng, ngày, giờ có hai hay ba cái trùng nhau là rất nặng. Trụ ngày phạm phải là chủ về không được gia đình chồng (vợ) ủng hộ, dù có được nhờ thì vẫn là hư vô, thậm chí về sau còn oán lẫn nhau, không đi lại nữa. Âm dương lệch nhau thì rất xấu, là tiêu chí thông tin rõ nhất về hôn nhân không thuận, trong thực tế rất ứng nghiệm.

Chi năm chi tháng tương xung là không lợi cho mẹ như xa cách.

Trụ ngày và trụ giờ có thìn tuất tương xung nhau thì nên rời xa quê hương là tốt.

Kiêu thần ở trụ năm là rời bỏ quê hương.

Năm tháng không có tài quan là tự mình phấn đấu làm nên cơ nghiệp.

Lệnh tháng gặp xung, chủ yếu là chi tháng và chi ngày xung nhau, vì cạnh nhau nên lực xung lớn. Xung tức là động. Cho nên lệnh tháng gặp xung thì anh em người một nơi, rất khó đoàn tụ một chỗ.

Trụ ngày trụ giờ đều gặp thìn tuất tương xung là vừa có vợ lẽ, vừa nằm không.

Nam có tứ trụ thuần dương thì mất vợ.

Ngày giờ đối xung nhau thì vợ chồng bất hòa và không lợi cho con cái.

Sửu, Tuất, Mùi (Vô ân chi Hình). Sửu có Quý khắc Đinh Hỏa trong chử Tuất. Tuất có Tân khắc Ất Mộc trong chữ Mùi. Âm khắc Âm là ám muội, nên gọi là Vô-Ân. Nguyên cục Sinh, Vượng là người có tinh thần cao thượng, mày rậm, mắt to, lấy ngay làm việc. Nếu Nguyên cục có Tử, Tuyệt là người ốm nhỏ, Xảo trá, nịnh hót, hạnh tai lạc họa. Mệnh Quý là người thanh liêm, cương trực, được người ta kính mến. Mệnh tiện thường có phạm pháp luật bị hình trách. Nữ mệnh thì cô độc.

Sửu, Tuất, Mùi (Vô ân chi Hình). Sửu có Quý khắc Đinh Hỏa trong chử Tuất. Tuất có Tân khắc Ất Mộc trong chữ Mùi. Âm khắc Âm là ám muội, nên gọi là Vô-Ân. Nguyên cục Sinh, Vượng là người có tinh thần cao thượng, mày rậm, mắt to, lấy ngay làm việc. Nếu Nguyên cục có Tử, Tuyệt là người ốm nhỏ, Xảo trá, nịnh hót, hạnh tai lạc họa. Mệnh Quý là người thanh liêm, cương trực, được người ta kính mến. Mệnh tiện thường có phạm pháp luật bị hình trách. Nữ mệnh thì cô độc.

Sửu, Tuất, Mùi (Vô ân chi Hình). Sửu có Quý khắc Đinh Hỏa trong chử Tuất. Tuất có Tân khắc Ất Mộc trong chữ Mùi. Âm khắc Âm là ám muội, nên gọi là Vô-Ân. Nguyên cục Sinh, Vượng là người có tinh thần cao thượng, mày rậm, mắt to, lấy ngay làm việc. Nếu Nguyên cục có Tử, Tuyệt là người ốm nhỏ, Xảo trá, nịnh hót, hạnh tai lạc họa. Mệnh Quý là người thanh liêm, cương trực, được người ta kính mến. Mệnh tiện thường có phạm pháp luật bị hình trách. Nữ mệnh thì cô độc.

Thìn hình Thìn chính mình hình mình gọi là tự hình.

Quan đới chủ có địa vị cao, phát triển, thành công, được tôn kính, có đức, hướng thượng, thịnh vượng, từ bi, uy nghiêm, có danh vọng. Quan đới bị hình xung hoặc tứ trụ có Thương, Kiếp tài, Thực, Thiên ấn ở sát bên cột Quan đới, không có sao tốt giải cứu thì hay làm việc bất chính, thích đầu cơ tích trử, khinh đời, kết cục phá gia bại sản, mang tiếng xấu cho cả gia đình. Trụ năm có quan đới, càng về già càng có hạnh phúc, hưởng phúc đức về già.

Mộ chủ: xa gia đình, suy bại, duyên phận bạc bẽo, bần hàn, lo buồn, lao khổ. Trụ tháng có Mộ, cha mẹ, anh em vợ chồng bất hòa, hao tài tốn của; Nếu có chi ngày và tháng xung nhau thì sinh con nhà giàu, được hưởng của cha ông để lại. Mộ là chỗ chôn cất chứa giấu đi, tứ trụ có chi hình xung, với chi cột an mộ, Mộ sẻ dùng được. Trong trường hợp không có chi hình xung, gặp Tài là người keo bẩn, coi đồng tiền hơn cả tính mệnh, lúc nào cũng bo bo giữ lấy tiền, suốt đời là đầy tớ của tiền của, không dám ăn tiêu.

Quan đới chủ có địa vị cao, phát triển, thành công, được tôn kính, có đức, hướng thượng, thịnh vượng, từ bi, uy nghiêm, có danh vọng. Quan đới bị hình xung hoặc tứ trụ có Thương, Kiếp tài, Thực, Thiên ấn ở sát bên cột Quan đới, không có sao tốt giải cứu thì hay làm việc bất chính, thích đầu cơ tích trử, khinh đời, kết cục phá gia bại sản, mang tiếng xấu cho cả gia đình. Trụ ngày có quan đới, lúc nhỏ bất như ý, lớn lên phát như vận rồng gặp mây. Nếu có Thiên hoặc Nguyệt đức, người có từ tâm và có tài, trong xã hội được nhiều người tôn kính, danh vọng cao, đối với anh em rất tốt. Riêng nữ mệnh, trụ ngày có quan đới dung mạo đoan chính, lấy được chồng tốt; trừ sinh vào ngày nhâm tuất, quý sửu, hoặc gặp sao xấu thì vợ chồng sớm xa cách.

Mộ chủ: xa gia đình, suy bại, duyên phận bạc bẽo, bần hàn, lo buồn, lao khổ. Trụ giờ có Mộ lúc nhỏ hay đau ốm, gầy yếu, con cái ít, khổ vì con. Mộ là chỗ chôn cất chứa giấu đi, tứ trụ có chi hình xung, với chi cột an mộ, Mộ sẻ dùng được. Trong trường hợp không có chi hình xung, gặp Tài là người keo bẩn, coi đồng tiền hơn cả tính mệnh, lúc nào cũng bo bo giữ lấy tiền, suốt đời là đầy tớ của tiền của, không dám ăn tiêu.

Thìn, tuất của ngày giờ tương xung nhau nên tuy có con nhưng con học hành không đỗ đạt.

www.XemTuong.net

Thực thần đóng ở trụ giờ là con cái béo khoẻ, đẹp.

Trụ ngày có thất sát: lúc sinh vắng mặt cha.

Cha có thực thần là sinh con trai.

Nam có can ngày, can giờ tương sinh là sinh con gái đầu lòng.

Ngày giờ tương xung nhau thì không lợi cho con cái.

Thất sát hoặc kiêu thần đóng ở trụ ngày là vợ nhiều mà đẻ ít, khí huyết không điều hòa.

Trụ có Sát Kiêu tương sinh cho nhau tất có tai họa bị thương tích.

Trụ ngày gặp Kiêu và trong trụ có Thực khi đại vận gặp kiêu thần thì dễ bị bệnh đặc biệt khi ngày chi lại gặp kiêu nữa.
Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Cụ Ông đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Cụ Ông. Quý Cụ Ông có thể xem thêm phần tử vi bình giải để nắm rỏ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Cụ Ông.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Cụ Ông La So 1 thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.
Trân Trọng.

XemTuong.net